TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2023
V/v: *"Xin ly hôn''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy
Bà Nguyễn Thị Bé Em

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 413/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 373 ấp PTN, xã TĐ, huyện GT, tỉnh Bến Tre;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Luật sư Đinh Thị Bé M-Văn phòng luật sư Đinh M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 615A ấp NA, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH MTV VLXD VT

Địa chỉ: Số 16B Khu phố M, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn B-Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp CT, xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2. Ngân hàng A

Địa chỉ: Số A, phường TC, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Minh H-Giám đốc Ngân hàng A-chi nhánh thành phố BT.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Hồng V-Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Số 71-77 NH, phường AH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn U, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp T, xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 653 ấp PM, xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 227B ấp A, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt, Ngân hàng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh N trình bày:

Bà và ông H kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Nhơn Thạnh, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/02/2012. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng đến tháng 5/2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau nên cải nhau thường xuyên. Ngoài ra, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Vợ chồng sống chung với nhau từ năm 2012 ở xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đến tháng 5/2022 ông H cùng với 02 con về nhà cha mẹ ruột ông H sống tại xã Nhơn Thạnh, thành phố BT cho đến nay. Hai vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông H.

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 18/9/2018. Sau khi ly hôn, ông H là người trực tiếp nuôi con chung. Bà N tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi cháu, mỗi tháng là 1.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT số tiền vật liệu xây dựng là 269.924.683đồng. Nợ Ngân hàng A-Chi nhánh Bến Tre tiền gốc là 265.000.000đồng và tiền lãi. Nợ ông Nguyễn U tiền mua vật liệu xây dựng là 374.937.000đồng. Đối với số tiền nợ này mỗi người có trách nhiệm trả một nữa. Tại phiên tòa, bà N thay đổi ý kiến không thừa nhận nợ ông Nguyễn U là nợ chung.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn cũng như thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ ông ngoại tình, bị ông và anh vợ đi bắt gặp tại khách sạn Sao Mai, Công an xã Bình Phú đã có lập biên bản việc vợ ông ngoại tình, cả hai có ký tên vào biên bản. Hai vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 10/2022, ông dẫn theo 02 đứa con về quê ông ở xã Nhơn Thạnh, thành phố BT, tỉnh Bến Tre sống cho đến nay. Nay bà N xin ly hôn, ông cũng đồng ý xin ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 18/9/2018. Sau khi ly hôn, ông H là người trực tiếp nuôi con chung. Ông đồng ý bà N cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung gồm: Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 1, diện tích 474,1m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do hai vợ chồng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Xe ô tô tải biển kiểm soát 71B2-10032 do Lê Thị Quỳnh N đứng tên và hiện nay ông H đang quản lý sử dụng; Xe Kobe không biển số, hiện nay bà N đang quản lý sử dụng; Xe mô tô biển số 71B2-652-97, do bà N đứng tên và bà N hiện nay đang quản lý sử dụng; Xe mô tô biển số 71B1-38774, do vợ chồng mua của bà Nguyễn Thị Ngoan đứng tên nhưng chưa sang tên, hiện nay bà N đang quản lý sử dụng; Thửa đất số 340 tờ bản đồ số 4, diện tích 2.513,3m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với tài sản chung của vợ chồng ông H yêu cầu chia đôi tài sản. Đến ngày 01/8/2023, ông H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Nợ Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT tiền vật liệu xây dựng là

269.924.683đồng; Nợ Ngân hàng A-Chi nhánh Bến Tre tiền gốc là 265.000.000đồng và tiền lãi; Nợ ông Nguyễn U tiền nợ tiền vật liệu xây dựng (Vật liệu xây dựng Phương Trinh) là 374.937.000đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Kim T tiền vật liệu xây dựng (Vật liệu xây dựng Đại Phúc) là 60.000.000đồng; Nợ ông Nguyễn Văn B tiền mượn làm ăn số tiền là 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K tương đương 82.500.000đồng; Đối với nợ chung của vợ chồng, ông H yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền nợ này, vợ chồng có trách nhiệm trả.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B:

Ông là cha ruột của ông H, năm 2000 ông có cho vợ chồng ông H, bà N mượn số tiền 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K để làm vốn làm ăn cho cơ sở vật liệu xây dựng Phát Đạt. Nay ông yêu cầu ông H và bà N trả số tiền nợ là 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K tương đương 82.500.000đồng. Do cơ sở vật liệu xây dựng Đại Phát là của ông, trị giá khoảng 3,4 tỷ nhưng ông cho vợ chồng Hiếu làm ăn mà ông không có làm giấy tờ gì. Nên sau đó vợ chồng Hiếu, Như hỏi mượn tiền ông làm ăn, ông đồng ý cho 02 vợ chồng mượn tiền, nhưng khi đến nhận tiền và vàng thì chỉ có ông H con ông đến nhận tiền, nên chỉ có một mình ông H ký tên mượn nợ. Nay ông yêu cầu 02 vợ chồng có trách nhiệm trả tiền và vàng cho ông. Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Tại phiên tòa, ông xin rút yêu cầu độc lập về việc buộc ông H và bà N trả số số tiền đã mượn là 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng VT, ông Nguyễn Hoàng Luân trình bày:

Công ty TNHH VT có bán vật liệu xây dựng cho bà N, ông H. Theo đối chiếu công nợ ngày 16/11/2022, ông H bà N còn nợ số tiền 269.924.683đồng. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT yêu cầu ông H và bà N phải có trách nhiệm trả mỗi người ½ số nợ.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn U trình bày:

Ông có bán vật liệu xây dựng cho ông H, bà N, đến nay ông H, bà N còn thiếu số tiền là 374.937.000đồng. Ông H và bà N có ký vào giấy thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 08/01/2023. Nay ông yêu cầu ông H và bà N phải liên đới trách nhiệm trả cho ông số nợ là 374.937.000đồng. Ông không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A-Chi nhánh thành phố BT trình bày:

Ngày 26/3/2021, Ngân hàng A-Chi nhánh Bến Tre có cho ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Huỳnh N vay số tiền 460.000.000đồng. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất 9,5%/năm. Nay ông H, bà N xin ly hôn Ngân hàng yêu cầu bà N, ông H liên đới trả số tiền nợ vay Ngân hàng tính đến ngày 21/8/2023 là 276.576.507đồng, trong đó nợ gốc là 265.000.000đồng và tiền lãi là 11.576.507đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 22/8/2023 cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, ông H, bà N không trả tiền thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 1, diện tích 474,1m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do ông H và bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thửa đất số 340 tờ bản đồ số 4, diện tích 2.513,3m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Vợ chồng ông H, bà N có mua gồm 01 tàu cát khối lượng 370 khối, trị giá 80.000.000đồng, đã tạm ứng 20.000.000đồng, còn nợ lại 60.000.000đồng. Ông H đã ký tên vào

phiếu nợ của bà T khi bà T giao hàng. Do, ông H, bà N mua cát về bán, cùng kinh doanh với mục đích lấy lợi nhuận cho gia đình nên bà yêu cầu ông H và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho bà 60.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 27, 37, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 430, 440, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Ghi nhận ông H và bà N thuận tình ly hôn. Về con chung: Ghi nhận ông H trực tiếp nuôi 02 con chung, bà N cấp dưỡng 02 cháu 3.000.000đồng mỗi tháng. Về tài sản chung: đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT, ông Nguyễn U, bà Nguyễn Thị Kim T và Ngân hàng A. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Bốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại xã Nhơn Thạnh, thành phố BT nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thạnh, thành phố BT, tỉnh Bến Tre ngày 10/02/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải nhau, ông H đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hai vợ chồng đã ly thân với nhau từ 5/2022 cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông H. Ông H cũng đồng ý ly hôn với bà N.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa ông H và bà N thực tế đã xảy ra, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng đã ly thân, ông H đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian ly thân, ông H và bà N không có biện pháp nào để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nay bà N xin ly hôn ông H cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông H với bà N.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 18/9/2018. Sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung nên Tòa án ghi nhận. Ghi nhận bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, bà N trình bày tự thỏa thuận với ông H về tài sản chung. Ông H có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, đến ngày 01/8/2023, ông H rút đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[6] Về nợ chung: Ông H và bà N thống nhất vợ chồng có các khoản nợ chung gồm: Nợ Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT tiền vật liệu xây dựng là 269.924.683đồng; Nợ Ngân hàng A-Chi nhánh Bến Tre gồm nợ gốc là 265.000.000đồng và tiền lãi; Riêng các khoản nợ ông Nguyễn U tiền vật liệu xây dựng là 374.937.000đồng, nợ bà Nguyễn Thị Kim T tiền mua cát là 60.000.000đồng và nợ ông Nguyễn Văn B tiền mượn làm ăn số tiền là 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K tương đương 82.500.000đồng thì bà N không thừa nhận. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

6.1. *Xét đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn*

B:

Ông là cha ruột của ông H, ông có cho vợ chồng ông H, bà N mượn số tiền 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K để làm vốn làm ăn cho cơ sở vật liệu xây dựng. Nay ông yêu cầu ông H và bà N trả số tiền nợ là 350.000.000đồng và 15 chỉ vàng 24K tương đương 82.500.000đồng. Bà N không thừa nhận nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn B tự nguyện rút yêu cầu độc lập này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Bốn.

6.2. Xét *đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng VT:*

Công ty TNHH VT có bán vật liệu xây dựng cho bà N, ông H, theo đối chiếu công nợ ngày 16/11/2022 bà N đã xác nhận, ông H bà N còn nợ số tiền 269.924.683đồng. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT yêu cầu ông H và bà N phải có trách nhiệm trả mỗi người ½ số tiền nợ là 269.924.683đồng. Ông H và bà N thừa nhận còn nợ và đồng ý trả mỗi người ½ nên ghi nhận để ông H và bà N thực hiện. Ghi nhận Công ty TNHH VT không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

6.3. Xét đ*ơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn U trình bày:*

Ông có bán vật liệu xây dựng cho ông H, bà N, đến nay ông H, bà N còn thiếu số tiền là 374.937.000đồng. Nay ông yêu cầu ông H và bà N có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà N thừa nhận còn nợ ông U và đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà N không đồng ý trả nợ với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà N thừa nhận có kinh doanh cơ sở vật liệu xây dựng Phát Đạt và có mua vật liệu xây dựng của Công ty vật liệu xây dựng Phương Trinh của ông Nguyễn U, các bên đã mua bán với nhau trong khoảng thời gian khoảng 7, 8 năm. Ngày 08/01/2023, ông U với ông H và bà N có ký giấy thỏa thuận xác nhận công nợ của cửa hàng vật liệu xây dựng Phát Đạt với số tiền nợ là 374.937.000đồng, do đó bà N và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông U số nợ trên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của ông U. Ghi nhận ông U không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

6.4. Xét *đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T:*

Ngày 16/7/2022, bà có bán cho vợ chồng ông H, bà N 01 tàu cát khối lượng 370 khối, trị giá 80.000.000đồng, đã tạm ứng số tiền 20.000.000đồng, ông H, bà N còn thiếu bà 60.000.000đồng đến nay không trả. Ông H có ký tên vào phiếu xác nhận nợ của bà T. Nay bà T yêu cầu ông H, bà N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ 60.000.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông H có mở cửa hàng vật liệu xây dựng Đại Phát, số tiền nợ 60.000.000đồng này là do mua cát về bán lại, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên mặc dù chỉ một mình ông H ký tên nhưng bà N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 60.000.000đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

6.5. Xét đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A-Chi nhánh thành phố BT trình bày:

Ngày 26/3/2021, Ngân hàng A-Chi nhánh Bến Tre có cho ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Huỳnh N vay số tiền 460.000.000đồng. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất 9,5%/năm. Nay ông H, bà N xin ly hôn, Ngân hàng yêu cầu bà N, ông H liên đối trả số tiền nợ vay Ngân hàng tính đến ngày 21/8/2023 là 276.576.507đồng, trong đó nợ gốc là 265.000.000đồng và tiền lãi là 11.576.507đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 22/8/2023 cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, ông H, bà N không trả tiền thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền

phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 1, diện tích 474,1m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do ông H, bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thửa đất số 340 tờ bản đồ số 4, diện tích 2.513,3m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông H thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để vay tiền và đến nay còn nợ như Ngân hàng trình bày. Nay, ông H và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu độc lập của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà luật sư Đinh Thị Bé M đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cần xác minh tài sản chung của vợ chồng và chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Vì nếu không chia tài sản chung thì sẽ không có tài sản để thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện bà N không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Ông H có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng đã rút yêu cầu nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Ông H và bà N có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

[8] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông H về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn B.

[10] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị Huỳnh N phải nộp. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông H và bà N phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 37, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 299, 317, 320, 323 và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Huỳnh N; Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT, ông Nguyễn U, bà Nguyễn Thị Kim T và Ngân hàng A, cụ thể tuyên:

1. *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: Bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H có 02 con chung tên Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 18/9/2018. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Trung H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận bà Lê Thị Huỳnh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng là 1.500.000(Một triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Bà Lê Thị Huỳnh N được được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trung H về việc

yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

4. *Về nợ chung*:

4.1. Bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT ½ số tiền nợ 269.924.683đồng, là 134.962.341 (Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm bốn mươi mốt) đồng. Ghi nhận Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

4.2. Bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn U số tiền là 374.937.000 (Ba trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn) đồng. Ghi nhận ông U không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

4.3. Bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

4.4. Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Huỳnh N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A tính đến ngày 21/08/2023 là 276.576.507 (Hai trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm lẽ bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 265.000.000 (hai trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 11.576.507 (Mười một triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm lẽ bảy) đồng. Đồng thời, ông H và bà N có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/8/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi khi trả tất nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Huỳnh N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản mà ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Huỳnh N đang thế chấp tại Ngân hàng, cụ thể là:

Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 1, diện tích 474,1m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Huỳnh N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 340 tờ bản đồ số 4, diện tích 2.513,3m^2, tọa lạc tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do bà Lê Thị Huỳnh N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà N, ông H trả số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng và 15 chỉ vàng 9999 trị giá 82.500.000(Tám mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

6. *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thị Huỳnh N phải nộp. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Huỳnh N phải nộp;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Trung H phải nộp là 6.748.117 (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn một trăm mười bảy) đồng; Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị Huỳnh N phải nộp là 6.748.117(Sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn một trăm mười bảy) đồng;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm liên đới nộp 32.460.540 (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ngàn năm trăm bốn mươi) đồng.

Bà Lê Thị Huỳnh N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010121 ngày 14/12/2022.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.306.000 (Mười ba triệu ba trăm lẽ sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002911 ngày 12/5/2023.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002933 ngày 18/5/2023.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng VT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.748.000 (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002938 ngày 22/5/2023.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.373.000 (Chín triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002937 ngày 19/5/2023.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã NT;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang